

Số: 57 /2015/QĐ-UBND

Long An, ngày 12 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mức thu học phí năm học 2015-2016
đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông
và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII kỳ họp thứ 13 về mức thu học phí năm học 2015-2016 đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại tờ trình số 1654/TTr-SGDĐT ngày 04/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu học phí năm học 2015-2016 đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An, như sau:

1. Đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng

Trường học, cơ sở giáo dục	Vùng thành thị (phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện)	Vùng nông thôn	
		Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Các xã còn lại
1. Nhà trẻ:	100	20	60
2. Mẫu giáo buổi:	40	20	20
3. Mẫu giáo bán trú:			
- Lớp mầm	130	25	75
- Lớp chồi	110	25	65
- Lớp lá	90	25	55

4. Mẫu giáo 2 buổi/ngày	75	30	40
5. Trung học cơ sở:	40	20	20
6. Trung học phổ thông:	60	20	30
7. Giáo dục thường xuyên:			
- Hệ THCS	40	20	20
- Hệ THPT	60	20	30
8. Phí tiêu hao vật tư thực hành nghề:			
- Hệ THCS	15	10	10
- Hệ THPT	20	10	15
9. Vừa học giáo dục thường xuyên vừa học nghề:			
- Hệ THCS	90	30	40
	(Học văn hóa: 40; Học nghề: 50)	(Học văn hóa: 10; Học nghề: 20)	(Học văn hóa: 20; Học nghề: 20)
	110	40	50
- Hệ THPT	(Học văn hóa: 60; Học nghề: 50)	(Học văn hóa: 20; Học nghề: 20)	(Học văn hóa: 30; Học nghề: 20)
	110	40	50
	(Học văn hóa: 60; Học nghề: 50)	(Học văn hóa: 20; Học nghề: 20)	(Học văn hóa: 30; Học nghề: 20)

2. Đối với trường trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng

Nhóm ngành	TCCN	CĐCN
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	190	220
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	200	230
3. Y dược	230	

3. Đối với trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng

Nhóm ngành	TCN	CĐN
1. Báo chí và thông tin; pháp luật	140	150
2. Toán và thống kê	140	160
3. Nhân văn: khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý; dịch vụ xã hội	150	190

4. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	170	200
5. Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân	190	210
6. Nghệ thuật	210	230
7. Sức khỏe	220	240
8. Thú y	230	280
9. Khoa học sự sống; sản xuất và chế biến	240	260
10. An ninh, quốc phòng	260	280
11. Máy tính và công nghệ thông tin; công nghệ kỹ thuật	290	330
12. Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; môi trường và bảo vệ môi trường	290	310
13. Khoa học tự nhiên	290	320
14. Dịch vụ vận tải	330	370
15. Khác	300	320

Ngoài các đối tượng có qui định mức thu học phí năm học 2015-2016, các đối tượng còn lại áp dụng theo qui định hiện hành.

Thời gian thực hiện: Năm học 2015-2016.

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện; xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về việc thu và sử dụng học phí.

Quyết định này được triển khai trong toàn ngành giáo dục; phổ biến công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông báo ở các trường học để nhân dân biết thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: GDĐT, Tài chính, LĐ-TBXH;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa VIII;
- Như Điều 3;
- Phòng NCVX;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm